TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 6 năm 2025
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H - sinh năm 2000.
ĐKHKTT: khu 2, xã T, huyện N, tỉnh P.
- Bị đơn: Anh Hạ Ngọc L - sinh năm 1994.
ĐKHKTT: khu 2, xã T, huyện N, tỉnh P.
Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó đến năm 2023 anh L đi lao động tại nước ngoài, từ đó đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hạ Ngọc L.

Về con chung: chị H xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị H xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp: chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Hạ Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày quan điểm tại Bản tự khai đề ngày 26/3/2025; cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: việc chị H xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: anh L xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh L xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp: anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị H nộp đơn xin ly hôn anh L tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị H trình bày hiện nay anh L đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Xét Bản tự khai ngày 26/3/2025 của anh L có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Chị H và anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H, anh L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ gì và vụ án không thuộc trường hợp có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh P không đưa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Từ khi anh L đi nước ngoài đến nay

giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hạ Ngọc L.

Tại Bản tự khai ngày 26/3/2025 anh L trình bày: về việc chị H xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng chị H và anh L đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị H được chấp nhận.

- Về con chung: chị H và anh L xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Hạ Ngọc L.

[2] Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thu H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000636 ngày 09/5/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: chị Nguyễn Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Hạ Ngọc L là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Anh